TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 14/8/2019.
"V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **LÊ VĂN ĐẸP**

- *Các Hội thẩm nhân dân* 1/ **Ông DANH ON**

2/ **Bà NGUYỄN THỊ HIẾU**

- Thư ký phiên tòa: **Bà THÁI KIM PHƯƠNG** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: **Bà LÊ HUYỀN MAO** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 110/2019/TLST–HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST–HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1985

Nơi ĐKHKTT: ấp T, xã L, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã L, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ,** sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T và anh Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2019 và tại bản tự khai ngày 10/5/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2002, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng

không có tiến hành đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ thường hay nhậu nhẹt, không quan tâm lo lắng cho gia đình, hay ghen tuông vô cớ và đánh đập chị nhiều lần. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 tháng nay. Mặc dù chị đã nhiều lần hàn gắn mối quan hệ nhưng không thể nào sống chung với anh Đ được nữa, nay chị T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T xác định giữa chị và anh Nguyễn Văn Đ có 02 người con chung là cháu Nguyễn Chí Thẳng, sinh ngày 02/9/2003 và cháu Nguyễn Thị Tuyết Nhung, sinh ngày 03/9/2009. Hiện tại cháu Thẳng đang sống chung với anh Đ, cháu Nhung đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Tuyết Nhung, sinh ngày 03/9/2009 và chị không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Nhung. Còn cháu Nguyễn Chí Thẳng thì chị đồng ý giao cho anh Đ nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng cho cháu Thẳng.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T xác định giữa chị và anh Nguyễn Văn Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc vào năm 2002 và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do ghen tuông nên anh Đ có đánh đập vợ anh nhiều lần và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 tháng nay. Nay vợ anh yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý bởi vì anh muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Anh Đ xác định giữa anh và chị Nguyễn Thị T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Chí Thẳng, sinh ngày 02/9/2003 và cháu Nguyễn Thị Tuyết Nhung, sinh ngày 03/9/2009. Hiện tại cháu Thẳng đang sống chung với anh còn cháu Nhung thì đang sống chung với vợ anh. Anh Đ xác định do các con đã lớn nên tùy theo nguyện vọng của con muốn theo ai thì anh đồng ý giao cho người đó nuôi và người còn lại không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh Đ xác định giữa anh và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Chí Thắng, sinh ngày 02/9/2003 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết Nhung, sinh ngày 03/9/2009 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T và anh Đ không phải cấp dưỡng cho con nhưng anh chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Chị T và anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có nơi đăng ký thường trú tại ấp T, xã L, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn Đ tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ thống nhất xác định năm 2002, anh chị có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Tuy nhiên, chị T xác định chị và anh Đ chưa có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định, còn anh Đ thì xác định anh chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nhưng hiện tại giấy đăng ký kết hôn đã mất. Theo giấy xác nhận hộ tịch ngày 13/5/2019 do Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh cung cấp xác định từ năm 2002 đến nay không có tên chị Nguyễn Thị T trong sổ đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Đông thời, ngày 20/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân có ban hành quyết định số 02 về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cung cấp giấy đăng ký kết hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị T nhưng anh Đ không cung cấp được. Do đó, có đủ cơ sở xác định chị T và anh Đ chưa có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, chị T và anh Đ tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2002 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị T và anh Đ xác định giữa anh chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Chí Thẳng, sinh ngày 02/9/2003 và cháu Nguyễn Thị Tuyết Nhung, sinh ngày 03/9/2009. Hiện tại cháu Thẳng đang sống chung với anh Đ còn cháu Nhung đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi cháu Nhung và không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Nhung, còn cháu Thẳng thì chị đồng ý giao cho anh Đ nuôi và chị không phải cấp dưỡng cho cháu Thẳng. Anh Đ thì cho rằng do các con đã lớn nên tùy theo nguyện vọng của con muốn theo ai thì người đó nuôi và người còn lại không phải cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Thẳng hiện đang sống ổn định với anh Đ và cháu Nhung hiện đang sống ổn định với chị T, đồng thời cháu Thẳng có nguyện vọng theo sống chung với anh Đ và cháu Nhung có nguyện vọng được theo sống chung với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Chí Thẳng, sinh ngày 02/9/2003 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết Nhung, sinh ngày 03/9/2009 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

[6] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Chí Thắng, sinh ngày 02/9/2003 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết Nhung, sinh ngày 03/9/2009 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3/ Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị T đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002540 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

LÊ VĂN ĐẸP